

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 05/11/2012  
của Ban Bí thư (Khóa XI) về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng  
đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn*”**

-----

Thực hiện Công văn số 2690-CV/BTGTW, ngày 31/3/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư (khóa XI) về “*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn*” (gọi tắt là Chỉ thị 19-CT/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện như sau:

***Phần thứ nhất*****TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ  
THỰC HIỆN CHỈ THỊ 19-CT/TW****I. QUÁN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 19-CT/TW****1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai Chỉ thị 19-CT/TW**

Sau khi Chỉ thị 19-CT/TW được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành công văn chỉ đạo các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quán triệt sâu sắc nội dung Chỉ thị này nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về vị trí chiến lược của nông nghiệp, nông dân, nông thôn và vai trò của công tác dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng lao động nông thôn, tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho nông dân. Đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết về dạy nghề cho lao động nông thôn. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch 5 năm và hằng năm về dạy nghề cho lao động nông thôn, đề ra các chỉ tiêu cụ thể để triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường phối hợp với các đoàn thể thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; khảo sát nhu cầu đào tạo nghề của lao động tại địa phương, đánh giá, dự báo nhu cầu việc làm của xã hội, lựa chọn đào tạo các ngành nghề phù hợp với thực tiễn và cơ cấu kinh tế của địa phương.

**2. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chỉ thị 19-CT/TW**

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 19-CT/TW, Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 01-CT/TU “*về việc đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011- 2020*”; yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc tầm quan trọng và ý nghĩa của đào tạo nghề trong

việc phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, nâng chất lượng sản phẩm nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn. Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề và vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội để người lao động biết và tích cực tham gia học nghề.

Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn như: Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2020”, triển khai đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2014 - 2015, nâng cao hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới... (*Phụ lục 1*). Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các địa phương, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác dạy nghề cho lao động nông thôn. Từ đó, giải quyết nhu cầu việc làm cho lao động nông thôn, góp phần ổn định chính sách an sinh xã hội và thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội tại địa phương.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ 19-CT/TW**

### ***1. Công tác tuyên truyền về dạy nghề cho lao động nông thôn***

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức tuyên truyền Chỉ thị 19-CT/TW, các chế độ, chính sách của Nhà nước, quy định của tỉnh về công tác dạy nghề cho lao động nông thôn. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã định hướng cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở tuyên truyền nội dung nhiệm vụ, giải pháp của Chỉ thị 19-CT/TW, Đề án 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh như: Quyết định số 683/QĐ-UBND, ngày 04/4/2014 về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2020”; Quyết định số 1453/QĐ-UBND, ngày 03/7/2014 về “Danh mục nghề và mức hỗ trợ học nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020”; Quyết định 536/QĐ-UBND, ngày 09/3/2016 về “Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động tỉnh giai đoạn 2016-2020”; Quyết định số 640/QĐ-UBND, ngày 23/3/2016 về “danh mục nghề và mức hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho lao động tỉnh giai đoạn 2016 - 2020”; chú trọng phản ánh những mô hình hiệu quả, phát hiện những bất cập, yếu kém tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Các địa phương, cơ quan, đơn vị đã chú trọng đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp như: Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh cơ sở, tổ chức in ấn và cấp phát trên 5.000 tờ rơi, áp phích về chính sách hỗ trợ học nghề đến tận thôn, buôn và hộ gia đình; tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của ngành; xây dựng trang Website về dạy nghề của tỉnh ([daynghe.lamdong.gov.vn](http://daynghe.lamdong.gov.vn)); các phóng sự, đưa tin về gương các hộ gia đình tiêu biểu, có thành tích trong công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh, Trung tâm Dịch vụ việc làm vận động, tham gia tư vấn học nghề, tạo việc làm cho đoàn viên, hội viên; tổ chức hội nghị tư vấn tập trung, tư vấn tại hộ gia đình; tổ chức đưa người

lao động đi tham gia ngày hội việc làm. Từ đó các chính sách về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được nhiều lao động biết đến và tích cực tham gia.

Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng thường xuyên tuyên truyền, giới thiệu chính sách học nghề và hỗ trợ học nghề cho lao động nông thôn; xây dựng các tuyến tin, bài, phóng sự phản ánh các mô hình hay, cách làm hiệu quả về dạy nghề cho lao động ở nông thôn nhằm tăng cường hiệu quả công tác dạy nghề và giới thiệu việc làm.

## **2. *Đổi mới hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn***

### **2.1. *Sắp xếp hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp***

Năm 2012, toàn tỉnh có 55 cơ sở dạy nghề, trong đó 03 trường dạy nghề, 20 trung tâm dạy nghề (07 trung tâm dạy nghề công lập), 17 doanh nghiệp tham gia dạy nghề, 15 cơ sở dạy nghề khác. Mạng lưới cơ sở dạy nghề đáp ứng tốt nhu cầu học nghề của lao động.

Năm 2016, tỉnh ban hành Đề án sáp nhập các trung tâm trên địa bàn huyện (trung tâm dạy nghề, trung tâm kỹ thuật - tổng hợp - hướng nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên) để thành lập 11 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập cấp huyện trực thuộc UBND huyện.

Năm 2017, thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp, tỉnh đã chuyển giao chức năng quản lý nhà nước đối với các trường trung cấp, cao đẳng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo sang Sở Lao động- Thương binh và Xã hội.

Hiện nay, toàn tỉnh có 39 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) gồm: 05 trường cao đẳng (Cao đẳng nghề Đà Lạt, Cao đẳng Y tế Lâm Đồng, Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng, Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc, Cao đẳng Du lịch Đà Lạt); trong đó, trường Cao đẳng nghề Đà Lạt được chọn đầu tư để phát triển thành trường chất lượng cao và là trường đã thực hiện đạt chuẩn kiểm định chất lượng quốc gia. Có 02 trường trung cấp (Trung cấp nghề tư thục Tân Tiến, trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quốc Việt); 18 trung tâm GDNN gồm (11 trung tâm thuộc UBND các huyện, thành phố Bảo Lộc, 07 trung tâm ngoài công lập); 14 doanh nghiệp tham gia đào tạo trình độ sơ cấp (*Phụ lục 2*).

### **2.2. *Kiến tạo tổ chức, nhân sự thực hiện dạy nghề***

Hiện nay, số cán bộ quản lý và giáo viên của mạng lưới cơ sở dạy nghề toàn tỉnh là 1.225 người; trong đó, cán bộ quản lý là 175 người (nữ 57 người), chia theo trình độ chuyên môn: Trên đại học 102 người, đại học 67 người, cao đẳng 02 người, trung cấp 04 người; giáo viên là 1050 người (nữ 265 người); biên chế 427 người, hợp đồng 623 người; chia theo trình độ chuyên môn: Trên đại học 145 người, đại học 426 người, cao đẳng 90 người, trung cấp 376 người, trình độ khác 13 người.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo tại các cơ sở dạy nghề công lập cơ bản đủ về số lượng theo quy định. Tuy nhiên, đội ngũ nhà giáo tại các trung tâm GDNN - GDTX cấp huyện vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ. Nhiều trung tâm thiếu giáo viên dạy nghề (có trung tâm không có giáo viên dạy nghề) trong khi đó giáo viên dạy văn hóa, dạy nghề phổ thông lại chưa thực hiện đủ định mức giờ lao động theo quy định (số học sinh học hệ GDTX ít).

### ***2.3. Công tác tư vấn, khảo sát, dự báo nhu cầu học nghề***

Năm 2014, tỉnh đã triển khai điều tra mẫu 6.000 hộ của 44 thôn thuộc 12 huyện, thành phố; kết quả cho thấy có 51% số hộ có nhu cầu học nghề. Các ngành nghề có nhu cầu học chủ yếu là các nghề phổ biến để áp dụng trực tiếp vào sản xuất, sinh hoạt vùng nông thôn, trong đó ngành nông nghiệp chiếm 58%, ngành công nghiệp xây dựng 25%, ngành du lịch 17%. Hàng năm, đều tổ chức điều tra, khảo sát và dự báo nhu cầu học nghề của người lao động, từ đó làm căn cứ để xây dựng kế hoạch tuyên truyền cũng như kế hoạch đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của từng địa phương.

### ***2.4. Kiện toàn tổ chức, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về dạy nghề***

Sở Lao động - Thương binh và xã hội phân công 01 Phó giám đốc phụ trách công tác dạy nghề, Phòng Dạy nghề là đơn vị chuyên trách của Sở làm công tác quản lý nhà nước về dạy nghề với số biên chế dao động từ 2 đến 4 người (hiện đang chờ sáp nhập theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, ngày 14/9/2020 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương). Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố đều bố trí 01 lãnh đạo phòng phụ trách và 01 cán bộ kiêm nhiệm công tác dạy nghề.

### ***2.5. Đổi mới chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn***

Tỉnh đã chỉ đạo các cơ sở dạy nghề thường xuyên phải rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn bám sát mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhu cầu học nghề của người dân và trình độ phát triển của khoa học và công nghệ. Trong giai đoạn 2011- 2020, đặt hàng các cơ sở đào tạo xây dựng mới 13 chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp, chỉnh sửa, bổ sung 32 chương trình. Đồng thời, cũng đã chỉ đạo các cơ sở dạy nghề rà soát, bổ sung danh mục nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động hiện nay.

### ***2.6. Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ dạy nghề cho lao động nông thôn***

Giai đoạn 2011 - 2020, toàn tỉnh có 11 trung tâm GDDN-GDTX công lập do UBND cấp huyện, thành phố quản lý đóng trên 10 huyện và thành phố Bảo Lộc. Trong đó có 06 trung tâm được đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 theo chính sách của Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, 03 trung tâm được đầu tư giai đoạn 2016 - 2020; cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo với 2.886m<sup>2</sup> phòng, xưởng thực hành; 1.241m<sup>2</sup> phòng làm việc; 2.767m<sup>2</sup> phòng học lý thuyết, hội trường.

## ***3. Kết quả dạy nghề cho lao động nông thôn***

***3.1. Dạy nghề cho thanh niên nông thôn:*** Toàn tỉnh đã đào tạo nghề cho 13.019 lao động nông thôn trong độ tuổi thanh niên. Trong đó, giai đoạn 2011 - 2015 đào tạo nghề cho 8.468 người, giai đoạn 2016 - 2020 đào tạo nghề cho 4.551 người (*Phụ lục 3*).

***3.2. Dạy nghề cho nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:*** Trong giai đoạn 2011-2020 toàn tỉnh đã đào tạo nghề cho 24.912 lao động nông thôn trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Trong đó, giai đoạn 2011 - 2015 đào tạo nghề cho 17.989 người, giai đoạn 2016 - 2020 đào tạo nghề cho 6.923 người (*Phụ lục 4*).

**3.3. *Dạy nghề đáp ứng xây dựng nông thôn mới:*** Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 trung bình mỗi năm hỗ trợ đào tạo cho trên 4.000 người góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng 34% (từ 35% năm 2011 lên 69% năm 2020). Người lao động sau khi hoàn thành khóa học đã ứng dụng thành công các kiến thức khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, từng bước nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng nhân lực khu vực nông thôn, nông nghiệp nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, nâng tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

#### **4. *Nguồn lực thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn***

**4.1. *Nguồn lực từ ngân sách:*** Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước chi cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2011 - 2020 là 57.319 triệu đồng (Năm mươi bảy tỉ ba trăm mười chín triệu đồng); giai đoạn 2011-2015 là 34.536 triệu đồng, giai đoạn 2016-2020 là 22.783 triệu đồng; trong đó, kinh phí Trung ương là 26.982 triệu đồng, kinh phí địa phương là 30.337 triệu đồng.

**4.2. *Hiệu quả sử dụng nguồn lực:*** Giai đoạn 2011 - 2020, tổng số lao động được hỗ trợ học nghề là 37.966 người, trong đó nghề nông nghiệp là 24.912 người chiếm 65,6%, nghề phi nông nghiệp là 13.054 người chiếm 34,4%. Số lao động sau học nghề có việc làm chiếm 86,2%, trong đó nông nghiệp đạt 89,2%, phi nông nghiệp đạt 80,6%. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng nhân lực khu vực nông thôn.

#### **5. *Công tác kiểm tra, giám sát***

Công tác tổ chức các hoạt động giám sát việc triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các địa phương với những nội dung trọng tâm như: công tác tuyển sinh, chế độ, chính sách, kinh phí hoạt động, kết quả đào tạo giải quyết việc làm sau học nghề,... Đồng thời, chỉ đạo các huyện, thành phố, ngành Lao động, Thương binh và Xã hội kiểm tra chặt chẽ quá trình triển khai các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn; kế hoạch giảng dạy các lớp: thời gian, nội dung học, giáo viên,... được công khai tại địa điểm tổ chức lớp học và trong hợp đồng dạy nghề làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề.

Chỉ đạo ngành Lao động, Thương binh và Xã hội, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Qua kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh sai sót của các đơn vị; tạo điều kiện để các đơn vị tổ chức dạy nghề đạt mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung đề ra, đồng thời cập nhật thông tin, tổng hợp số liệu báo cáo tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. *Ưu điểm***

Qua 10 năm, triển khai thực hiện Chỉ thị 19-CT/TW các cấp ủy đảng, chính quyền, các địa phương, đơn vị đã chủ động tổ chức quán triệt kịp thời, nghiêm túc các nội dung của Chỉ thị 19-CT/TW; đồng thời, đã có những giải pháp cụ thể hóa hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với các chương trình, kế hoạch,

nhệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; qua đó nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Các cấp, các ngành quan tâm lãnh, chỉ đạo, xác định vị trí chiến lược của phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và vai trò của công tác dạy nghề trong việc nâng cao chất lượng lao động nông thôn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập và tạo thêm việc làm, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Việc triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã đạt được những kết quả tích cực, cơ bản bám sát mục tiêu, nhiệm vụ đề ra gắn với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chính sách dạy nghề cho lao động nông thôn đã từng bước gắn với nhu cầu và nâng cao hiệu quả sản xuất, các dự án đầu tư hỗ trợ sản xuất, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, phát triển ngành nghề nông thôn. Xây dựng các mô hình kinh tế hộ, đặc biệt đối với người nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hình thành nhóm nghề nông nghiệp, chuyển đổi giống cà phê, chăm sóc cây công nghiệp dài ngày,... từng bước tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả, nhiều hộ gia đình bước đầu đã thành công trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; lao động học nghề phi nông nghiệp như: Vận hành - sửa chữa máy nông nghiệp, thêu tay, đan bèo, may công nghiệp, móc len, hàn tiện, cơ khí, kỹ thuật chế biến món ăn,... có việc làm phù hợp với nghề đã học trên 70% trong đó có 50% là hộ đồng bào dân tộc thiểu số; việc đổi mới trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tạo bước đột phá về chất lượng nguồn nhân lực khu vực nông thôn, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề.

## **2. Hạn chế, yếu kém**

- Thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành tuy đã được triển khai rộng khắp nhưng một số địa phương vẫn còn lúng túng trong chỉ đạo hoạt động tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Quy định một số tiêu chí, tiêu chuẩn về đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp chưa phù hợp và gặp nhiều khó khăn trong thực hiện; kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đồng đều và chưa có chính sách cho đơn vị đạt chuẩn kiểm định, hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp cấp huyện khó khăn, thiếu đầu tư phát triển.

- Hoạt động của các trường trung cấp, cao đẳng còn nhiều khó khăn, việc triển khai phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học trung cấp hoặc chương trình 9+ chưa đi vào thực chất nên chưa đạt mục tiêu đề ra. Kết quả phân luồng học sinh chỉ đạt 15% trên tổng số học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, thu hút học sinh sau tốt nghiệp trung học phổ thông vào học cao đẳng còn hạn chế và chỉ chiếm 10% trên tổng số học sinh tốt nghiệp hàng năm khoảng 15.000 học sinh. Thực tế, mỗi năm còn khoảng 3.000 học sinh sau trung học cơ sở chưa tham gia tiếp tục học tập các trình độ khác.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ học nghề từ ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn: Không được phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề phi nông nghiệp giai đoạn 2016-2020, kinh phí Trung ương hỗ trợ thực hiện Đề án theo Quyết định 1956/QĐ-TTg rất hạn chế; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nghề theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018 của Chính phủ chưa triển khai được do chưa phù hợp với điều kiện doanh nghiệp và khó khăn về kinh phí; thực hiện hỗ trợ học nghề

theo Thông tư 43/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2016 khó khăn về nguồn tài chính và còn nhiều lúng túng trong quy định thực hiện.

- Đầu tư ngành nghề trọng điểm đạt cấp độ quốc tế, ASEAN, quốc gia tại các trường cao đẳng còn trùng lặp, chưa đồng bộ nên hiệu quả đầu tư chưa cao.

- Đa số người dân, phụ huynh và cả học sinh vẫn còn tư tưởng chuộng bằng cấp, mong muốn con em sau khi hoàn thành chương trình phổ thông sẽ vào học đại học, do đó chưa quan tâm chọn nghề dựa vào điều kiện kinh tế, năng lực học tập của con em và cơ hội việc làm sau khi ra trường.

- Qua thống kê 05 năm (2016 - 2020) thị trường lao động của Trung tâm dịch vụ việc làm Lâm Đồng cho thấy tuyển dụng đại học luôn thừa 40% nhu cầu tuyển dụng, trong khi đó số lượng lao động trình độ cao đẳng, trung cấp chỉ đáp ứng 35% nhu cầu tuyển dụng, công nhân kỹ thuật qua đào tạo đáp ứng 10% và lao động phổ thông chỉ đáp ứng 50% nhu cầu của nhà tuyển dụng. Điều này cho thấy lao động trình độ cao đẳng trở xuống chưa đáp ứng nhu cầu về số lượng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là các nghề kỹ thuật như điện, hàn, sửa chữa động cơ, xây dựng và nhóm nghề dịch vụ du lịch.

- Ngành công nghiệp của Lâm Đồng chưa có bước đột phá để thu hút lao động. Thị trường lao động trên địa bàn tỉnh còn phổ biến tuyển dụng lao động phổ thông, lao động giá rẻ nên tác động việc đến phát triển lao động qua đào tạo nghề.

### ***3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém***

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về vai trò công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn chưa đầy đủ; công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho lao động nông thôn trong việc lựa chọn nghề để tham gia đào tạo còn hạn chế.

- Cơ sở vật chất của hệ thống đào tạo nghề còn hạn chế, trang thiết bị dạy nghề chưa được đầu tư đồng bộ và khai thác sử dụng hiệu quả, chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu, chương trình chủ yếu các đơn vị tự xây dựng, chưa có chương trình chung, chuẩn và thống nhất cho tất cả các đơn vị tham gia dạy nghề; chưa phát huy hết công năng của các Trung tâm và cơ sở dạy nghề tại địa phương.

- Một bộ phận lao động nông thôn chưa nhận thức được đầy đủ vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề để tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống, còn tâm lý ngại đi học nghề.

- Việc dạy nghề chưa gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp; công tác liên kết với các doanh nghiệp tham gia tổ chức đào tạo nghề và tuyển chọn, sử dụng lao động sau đào tạo chưa được các địa phương quan tâm đúng mức.

### ***4. Bài học kinh nghiệm***

- Phải có sự vào cuộc quyết liệt của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm tạo được sự thống nhất trong công tác lãnh, chỉ đạo và có sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến cán bộ, đảng viên, các tổ chức, cá nhân và các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận

thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân trong việc tham gia dạy và học nghề cho người lao động.

- Cần có cơ chế phù hợp nhằm hỗ trợ về vốn, thiết bị sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cũng như công tác giới thiệu việc làm cho người lao động sau học nghề; tăng cường công tác quản lý chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Thực hiện đồng bộ chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch; phải thực hiện tốt công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề và nhu cầu sử dụng lao động của cá nhân cũng như các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh...

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện và điều chỉnh những thiếu sót, tồn tại trong công tác đào tạo nghề cho lao động; thực hiện việc sơ kết, tổng kết để đánh giá rút kinh nghiệm cũng như khắc phục hạn chế yếu kém để công tác dạy nghề cho lao động nông thôn đạt kết quả, đem lại hiệu quả thiết thực cho người lao động.

### ***Phần thứ hai***

## **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030**

### **I. BỐI CẢNH**

#### ***1. Bối cảnh quốc tế***

Trong những năm tới, bối cảnh quốc tế, khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi phức tạp, nhanh chóng, khó lường. Dưới sự tác động của đại dịch Covid-19, thế giới rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng nhiều mặt cả về kinh tế và xã hội. Cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra gay gắt. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tình hình tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta.

#### ***2. Bối cảnh trong nước***

Trong nước, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và đang phải đối mặt với nhiều tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường còn nhiều bất cập. Năng lực và phương thức lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, đảng viên còn chưa ngang tầm nhiệm vụ. Bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thích ứng với biến đổi khí hậu là những thách thức rất lớn của nước ta trong thời gian tới.

#### ***3. Bối cảnh trong tỉnh***



Trong tỉnh, kinh tế - xã hội đạt những kết quả tích cực; tác động của việc tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng tạo đà phát triển toàn diện, bền vững cho địa phương; kết cấu hạ tầng ngày càng hoàn thiện, trình độ dân trí, văn hóa và đời sống vật chất, tinh thần nhân dân không ngừng được nâng lên; đặc biệt, nước ta đã ký kết và triển khai thực hiện hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển thương mại, đầu tư của tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh thời cơ thuận lợi, cũng còn nhiều khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, khó khăn, phức tạp hơn; nhất là tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế còn thấp; âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, những tồn tại, hạn chế nếu không tập trung khắc phục kịp thời sẽ là lực cản cho sự phát triển.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát:** Phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng có kỹ năng nghề phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Đến năm 2025**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 85 - 86,5%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt 23,6%.

- Thu hút khoảng 15.000 người lao động trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, dịch vụ. Trong đó, có 85% lao động trực tiếp trong ngành du lịch được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch và ngoại ngữ.

- Có khoảng 63,5% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp.

#### **2.2. Định hướng đến năm 2030**

- Thu hút trên 20.000 lao động trực tiếp làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, dịch vụ du lịch; trong đó có 90% lao động trực tiếp thông qua đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ du lịch và ngoại ngữ.

- Có khoảng 65% số lao động được đào tạo nghề thuộc nhóm ngành nông nghiệp.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 19-CT/TW; Quyết định số 1719/QĐ-TTg, ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 90/QĐ-TTg, ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Tiếp tục huy động sự tham gia, vào cuộc của các ngành, các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tư vấn dạy nghề cho lao động nông thôn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức dạy nghề tại các địa phương, kịp thời phát hiện những thiếu sót và chấn chỉnh nhằm đảm bảo tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

3. Chỉ đạo tổ chức khảo sát, rà soát, đánh giá nhu cầu học nghề của người lao động; xây dựng kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn với ưu tiên phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình, dự án khác: Giảm nghèo bền vững, các chương trình đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, du lịch - dịch vụ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nghề theo nhu cầu của người lao động; thực hiện tốt việc định hướng nghề nghiệp trên cơ sở các chương trình, đề án và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đặc biệt chú trọng việc gắn kết giữa đào tạo lao động và thị trường lao động, dạy nghề phải gắn với giải quyết việc làm cho người lao động.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn và các trường đào tạo nghề và các cơ sở tham gia đào tạo nghề tổ chức dạy nghề cho lao động, gắn với đổi mới nội dung, phương pháp; các chương trình đào tạo nghề phải phù hợp với đối tượng tham gia học nghề; không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo sau học nghề lao động được trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp với việc làm.

6. Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ doanh nghiệp trong đào tạo nâng cao nghiệp vụ, đào tạo mới, đào tạo lại gắn với đơn đặt hàng và gắn với dây chuyền sản xuất tạo thuận lợi cho lao động địa phương và doanh nghiệp đảm bảo lao động có tay nghề cũng như đảm bảo việc làm bền vững sau khi đào tạo của lao động.

8. Tổ chức tọa đàm doanh nghiệp để kết nối cung cầu lao động, kết nối thông tin thị trường lao động thông qua đào tạo gắn với tuyển dụng của doanh nghiệp, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Thực hiện điều chỉnh chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đào tạo nghề cho lao động phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp.

### ***Phần thứ ba***

## **KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với Chính phủ:**

Xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, ngày 11/3/2018 của Chính phủ để tạo thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, đặt hàng đào tạo gắn với địa chỉ làm việc. Trong đó, cụ thể hóa trách nhiệm cũng như quyền, lợi ích của doanh nghiệp khi tham gia giáo dục nghề nghiệp, bổ sung quy định miễn, giảm thuế đối với hoạt động đào tạo do doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động thực hiện đối với người lao động của đơn vị mình hoặc cho xã hội.

### **2. Đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Thúc đẩy việc đầu tư phát triển trường chất lượng cao, trung tâm thực hành theo vùng, tạo cơ sở đào tạo kỹ năng nghề có chất lượng, đáp ứng nhân lực chất

lượng cao cho thị trường lao động.

- Điều chỉnh ngành nghề đầu tư đạt cấp độ quốc gia, quốc tế đối với các nghề, các trường được phê duyệt đầu tư nhằm tránh đầu tư dàn trải và trùng lặp ngành nghề.

- Xã hội hóa công tác đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các tổ chức hội nghề nghiệp và các tổ chức phù hợp khác.

- Hướng dẫn chi tiết một số nội dung liên quan đến việc xây dựng, triển khai Đề án; xây dựng danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, quy định cụ thể mục tiêu khóa đào tạo nghề, ngày thực học,... để làm cơ sở thực hiện Đề án.

- Việc đánh giá hiệu quả dạy nghề cho lao động nông thôn còn khác nhau, tiêu chí đánh giá chưa thống nhất. Vì vậy, cần ban hành tiêu chí thống nhất trong đánh giá hiệu quả, thực hiện kiểm định chất lượng các lớp dạy nghề.

- Tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng năng lực sư phạm dạy nghề cho giáo viên dạy nghề, người dạy nghề cho lao động nông thôn, dạy nghề nông nghiệp.

- Tăng kinh phí sự nghiệp dạy nghề cho lao động nông thôn; tiếp tục đầu tư, mua sắm trang thiết bị cho các trung tâm dạy nghề công lập chưa được đầu tư.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy,
- đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, XH1.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Trần Đình Văn**

**Phụ lục 1: CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN CHỈ THỊ 19-CT/TW**  
*(Kèm theo Báo cáo số 270 -BC/TU, ngày 01/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)*

<b>TT</b>	<b>Tên văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>
1	Công văn số 2642-CV/TU về việc thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư Trung ương	01/3/2013	Ban Thường vụ Tỉnh uỷ
2	Quyết định số 683/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014 - 2020”	04/4/2014	UBND tỉnh
3	Quyết định số 1453/QĐ-UBND phê duyệt “Danh mục nghề và mức hỗ trợ học nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2014-2020”.	03/7/2014	UBND tỉnh
4	Quyết định 536/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động tỉnh giai đoạn 2016-2020”.	09/3/2016	UBND tỉnh
5	Quyết định số 640/QĐ-UBND phê duyệt danh mục nghề và mức hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho lao động tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.	23/3/2016	UBND tỉnh
6	Quyết định số 2777/QĐ-UBND ban hành Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.	24/12/2015	UBND tỉnh
7	Quyết định số 680/QĐ-UBND phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh năm 2017.	10/4/2017	UBND tỉnh
8	Văn bản số 436/UBND-VX triển khai kế hoạch hỗ trợ thanh niên học nghề và tạo việc làm tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2012-2015.	23/01/2013	UBND tỉnh
9	Quyết định 56/2013/UBND quy định về hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn	05/12/2013	UBND tỉnh

	tỉnh.		
10	Văn bản số 2578/UBND-VX triển khai đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2014-2015.	26/5/2014	UBND tỉnh
11	Văn bản số 4400/UBND-NN thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.	25/8/2014	UBND tỉnh
12	Văn bản số 3639/UBND-VX1 xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2017-2020.	28/6/2016	UBND tỉnh
13	Văn bản số 4067/UBND-NN nâng cao hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.	18/7/2016	UBND tỉnh
14	Văn bản số 1061/UBND-NN triển khai nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp năm 2017.	27/02/2017	UBND tỉnh

**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG**

\*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM***Lâm Đồng, ngày 01 tháng 8 năm 2022***Phụ lục 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CHUẨN HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA  
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP***(Kèm theo Báo cáo số 270 -BC/TU, ngày 01/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

<b>TT</b>	<b>Tên Chương trình, Dự án, Dự án đầu tư</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Tổng kinh phí đầu tư</b>	<b>Đánh giá hiệu quả</b>
1	Xây dựng Trung tâm dạy nghề huyện Đam Rông	2011	17.653.000.000	Hiệu quả
2	San gạt mặt bằng, khối nhà ở giáo viên, khối hành chính quản trị, khối 4 phòng học lý thuyết, khối nhà xưởng thực hành, hệ thống cấp nước ngoài nhà Trung tâm DN huyện Đam Rông.	2011	5.467.867.372	Hiệu quả
3	Trang thiết bị bàn ghế Trung tâm dạy nghề huyện Đam Rông	2012	897.979.819	Hiệu quả
4	Trang thiết bị dạy nghề; xây dựng Trung tâm DN huyện Đam Rông	2015	3.865.393.266	Hiệu quả
5	Xây dựng sân, hàng rào, đường nội bộ Trung tâm GDNN - GDTX Đam Rông	2018	950.000.000	Hiệu quả
6	Xây dựng Trung tâm dạy nghề Bảo Lâm	2011- 2014	15.542.000.000	Hiệu quả
7	Mua sắm trang thiết bị dạy nghề Trung tâm dạy nghề Bảo Lâm	2012	1.490.560.000	Ít hiệu quả
8	Sân sạt hạch mô tô Trung tâm Dạy nghề Di Linh	2017	450.000.000	Hiệu quả
9	Sân tập lái ô tô Trung tâm Dạy nghề Di Linh	2019 - 2020	7.000.000.000	Hiệu quả
10	Thiết bị cảm ứng tập lái xe ô tô Trung tâm Dạy nghề Di Linh	2020 - 2021	1.150.000.000	Hiệu quả
11	Xe ô tô tập lái Trung tâm Dạy nghề Di Linh	2011 - 2021	6.619.000.000	Hiệu quả
12	Đổi mới chương trình đào tạo Cao đẳng điều dưỡng dựa trên năng lực thực hành nghề nghiệp Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng	2017 - 2020	16.762.000.000	Hiệu quả
13	Đổi mới và phát triển dạy nghề trường CDN Đà Lạt	2011 - 2015	59.289.000.000	Hiệu quả
14	Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN trường CDN Đà Lạt	2016 - 2020	28.026.000.000	Hiệu quả
15	XD chương trình, giáo trình, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, sửa chữa CSVC, mua sắm thiết bị, kiểm định chất lượng trường CDN Đà Lạt	2017 - 2020	12.510.000.000	Hiệu quả
16	Mua sắm máy móc, trang thiết bị dạy nghề trường CĐ KT-KT Lâm Đồng	2019 - 2020	5.928.000.000	Hiệu quả

17	Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chuyên môn TT GDNN-GDTX Lâm Hà	2011	718.130.000	Hiệu quả
18	Xây dựng cơ sở vật chất TT GDNN-GDTX Bảo Lộc	2011 - 2012	4.348.763.689	Hiệu quả
19	Trang bị máy vi tính TT GDNN-GDTX Bảo Lộc	2014 - 2015	271.400.000	Hiệu quả
20	Xây dựng phòng học, phòng chức năng TT GDNN-GDTX Bảo Lộc	2015 - 2016	3.078.430.182	Hiệu quả
21	Xây phòng học TT GDNN-GDTX Bảo Lộc	2018	3.554.807.073	Hiệu quả
22	Xây dựng sân cảm ứng sát hạch lái xe mô tô hạng A1 TT GDNN-GDTX Bảo Lộc	2021	307.588.000	Hiệu quả
23	Mua sắm trang thiết bị dạy nghề TT GDNN-GDTX Đà Nẵng	2012	466.852.400	Hiệu quả
24	Mua sắm trang thiết bị dạy nghề TT GDNN-GDTX Đà Nẵng	2015	447.280.000	Hiệu quả
25	Xây dựng cơ sở vật chất TT GDNN-GDTX Lạc Dương	2019 - 2021	13.000.000.000	Hiệu quả
26	Xây dựng cơ sở vật chất TT GDNN-GDTX Đơn Dương	2013	3.800.000.000	Hiệu quả
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>213.694.051.801</b>	

**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG**  
\*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Lâm Đồng, ngày 01 tháng 8 năm 2022*

**Phụ lục 3: KẾT QUẢ DẠY NGHỀ CHO THANH NIÊN NÔNG THÔN**

*(Kèm theo Báo cáo số 270 -BC/TU, ngày 01/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Lâm Đồng)*

-----

	Giai đoạn	Tổng số người học	Nữ	Đối tượng học nghề (1: nghèo; 2: cận nghèo; 3: khuyết tật; 4: dân tộc thiểu số; 5: đối tượng chính sách)					Tổng số người học xong	Hiệu quả học nghề (i: có việc làm mới; ii: làm việc cũ; iii: thay đổi công việc; iv: xuất khẩu lao động)			
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(i)	(ii)	(iii)	(iv)
1	2011	1,914	1,052	153	325	12	976	31	1,914	900	1,014		
2	2012	1,875	1,031	150	318	15	937	26	1,875	881	994		
3	2013	1,644	904	131	279	9	838	30	1,644	773	871		
4	2014	1,578	867	126	268	5	804	13	1,578	742	836		
5	2015	1,457	801	116	233	3	728	23	1,457	685	772		
	<b>2011-2015</b>	<b>8,468</b>	<b>4,655</b>	<b>676</b>	<b>1,423</b>	<b>44</b>	<b>4,283</b>	<b>123</b>	<b>8,468</b>	<b>3,981</b>	<b>4,487</b>		
6	2016	886	487	70	132	2	451	15	886	416	470		



7	2017	905	497	72	144	5	461	12	905	425	480		
8	2018	876	481	70	131	1	446	14	876	412	464		
9	2019	930	511	74	139	3	474	16	930	437	493		
10	2020	954	524	76	152	2	486	20	954	448	506		
	<b>2016-2020</b>	<b>4,551</b>	<b>2,500</b>	<b>362</b>	<b>698</b>	<b>13</b>	<b>2,318</b>	<b>77</b>	<b>4,551</b>	<b>2,138</b>	<b>2,413</b>		
	<b>2011-2020</b>	<b>13,019</b>	<b>7,155</b>	<b>1,038</b>	<b>2,121</b>	<b>57</b>	<b>6,601</b>	<b>200</b>	<b>13,019</b>	<b>6,119</b>	<b>6,900</b>		

**TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG**  
\*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

*Lâm Đồng, ngày 01 tháng 8 năm 2022*

**Phụ lục 4: KẾT QUẢ DẠY NGHỀ CHO NÔNG DÂN TRỰC TIẾP SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

*(Kèm theo Báo cáo số 270 -BC/TU, ngày 01/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)*

-----

TT	Giai đoạn	Tổng số người học	Nữ	Đối tượng học nghề (1: nghèo; 2: cận nghèo; 3: khuyết tật; 4: dân tộc thiểu số; 5: đối tượng chính sách)					Tổng số người học xong	Hiệu quả học nghề (i: chuyển đổi nghề; ii: áp dụng sx tiên tiến; iii: thoát nghèo; iv: thu nhập khá)			
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(i)	(ii)	(iii)	(iv)
1	2011	4,402	2,289	213	834		1,832	30	4,402	1,629	2,773		
2	2012	4,932	2,247	505	552	1	1,160	33	4,932	1,825	3,107		
3	2013	3,238	1,353	508	417		819	38	3,238	1,198	2,040		
4	2014	3,175	1,918	428	252	2	691	19	3,175	1,175	2,000		
5	2015	2,242	1,286	257	137	4	1,424	20	2,242	830	1,412		
	<b>2011-2015</b>	<b>17,989</b>	<b>9,163</b>	<b>1,911</b>	<b>2,192</b>	<b>7</b>	<b>5,926</b>	<b>140</b>	<b>17,989</b>	<b>6,656</b>	<b>11,333</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
6	2016	1,675	726	311	70	2	814	28	1,643	608	1,035	163	385

7	2017	772	409	204	117	3	313	21	772	286	486	79	180
8	2018	1,961	1,081	258	225		715	45	1,961	726	1,235	196	156
9	2019	1,010	604	213	77	1	664	54	1,010	374	636	106	121
10	2020	1,505	628	830	505		102	4	1,505	557	948	180	135
	<b>2016-2020</b>	<b>6,923</b>	<b>3,448</b>	<b>1,816</b>	<b>994</b>	<b>6</b>	<b>2,608</b>	<b>152</b>	<b>6,891</b>	<b>2,550</b>	<b>4,341</b>	<b>724</b>	<b>977</b>
	<b>2011-2020</b>	<b>24,912</b>	<b>12,611</b>	<b>3,727</b>	<b>3,186</b>	<b>13</b>	<b>8,534</b>	<b>292</b>	<b>24,880</b>	<b>9,206</b>	<b>15,674</b>	<b>724</b>	<b>977</b>